

LIÊN HOA

NGUYỆT-SAN

O-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN XUẤT-BẢN



NG BA MẬU-TUẤT NĂM THỨ TƯ SỐ

3

LIÊN-HOA

NGUYỆT-SAN

MỤC LỤC SỐ 3

RẼM THÁNG 3 MẬU-TUẤT

NHÂN-LOẠI CÓ THỂ THOÁT ĐƯỢC...	LIÊN-HÒA
CHÁNH-TƯ-DUY	Thích TRÍ-KHÔNG
THÁI-HƯ ĐẠI-SƯ	TOÀN-THIỆN
SỐNG LÀNH MẠNH (Thơ)	HOÀI-MAI
PHẬT-HÓA GIA-ĐÌNH	Thích THIÊN-CHÂU
ÔNG HOÀNG THÀNH... (mẫu chuyện đạo)	QUẢNG-HUỆ
NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT...	UÔNG-TRÍ-BIỂU
BÀ HƯƠNG (chuyện ngắn)	NGUYỄN-THÁI
BỘ QUỐC-DỊCH	Thích THIÊN-ÂN
CẢNH TỈNH (thơ)	TÂM CƯƠNG
CHƯƠNG-TRÌNH PHẬT-ĐẢN 8 - 4	BAN TỔ CHỨC
TIN TỨC	LIÊN-HOA

BÌA DO HỌA-SĨ PHẠM-ĐĂNG-TRÍ TRÌNH BÀY

Nhân-loại có thể thoát được HỌA DIỆT VONG CHĂNG?

NHÂN loại đang đi về đâu? Thế giới có tránh khỏi họa diệt vong chăng? Đó là những câu hỏi đã làm băn khoăn nhiều người.

Muốn trả lời những câu hỏi ấy, chúng ta hãy bình tĩnh đưa một cái nhìn tổng quát lên những sự việc đã diễn tiến trên thế-giới trong mấy năm hậu chiến lại đây. Tất nhiên cái nhìn chớp nhoáng và bao quát này chỉ cho phép chúng ta nhận thấy những gì trọng đại nhất, đã làm xôn xao dư luận, chấn động thế giới, tổn hao giấy mực gây những cảm xúc sâu đậm trong lòng người nhiều nhất.

Đó là :

1.) Những tiến bộ trong sự thực hiện bom A, bom H, Những hỏa tiễn, phi đạn, những vệ tinh nhân tạo;

2.) Những tăng cường trong các liên minh quân sự, mỗi ngày mỗi nhiều, giữa các nước của hai khối cộng và không cộng : Liên minh Varsovie, Liên minh Bắc Đại Tây dương, Liên minh Thái Bình-Dương, Hiệp ước Bagdad.

Chúng ta chia làm hai mục như trên cho dễ nhận thấy, chứ thực ra đó chỉ là hai phương diện của một vấn đề: Vấn đề chuẩn bị và đề phòng chiến tranh. Thế giới luôn luôn hô hào hòa-bình, nhưng quỹ chiến tranh của các cường quốc mỗi ngày mỗi tăng; các chính khách hô hào ngưng sản xuất, ngưng thử bom nguyên tử, khinh khí, nhưng bom khinh khí và bom nguyên tử càng ngày càng nhiều. Và bây giờ Nga, Mỹ lại phát minh thêm những khí giới tối tân nữa: những phi đạn liên lục địa!

Tóm lại, cái nhìn bao quát trên đã đem lại cho chúng ta một nhận xét đau buồn: phần lớn những khả năng, tài nguyên và hoạt động của nhân loại trong mấy năm hậu chiến cũng như trong mấy năm tiền chiến, đang hướng về mục tiêu chiến tranh; nhân loại đang xằng tay áo sửa soạn bắn giết nhau lại!

Sở dĩ chiến tranh chưa bùng nổ là vì hai lực lượng quân sự của hai khối còn ngang nhau. Thế giới đang ở trên cái thế của một đòn cân vĩ đại mà hai đầu đều mang những trọng lượng quân bị bằng nhau. Khi có sự chênh lệch rõ ràng giữa hai lực lượng sự thăng bằng sẽ mất, và đòn cân đổ nhào, mang theo sự sụp đổ của toàn thể. Đòn cân của thế giới trong mấy năm nay đang chao qua chao lại, khi thì nghiêng về phía này, khi nghiêng qua phía kia, nhưng vẫn giữ được sự thăng bằng. Khi khối nào thấy trọng lượng khí giới và binh bị của phía mình nhẹ hơn, thì cố sức cấp tốc thêm vào và trở thành nặng hơn bên kia, và bên kia khi thấy đòn cân phía mình vồng lên, lại vội vã thêm trọng lượng quân sự vào để kéo đòn cân chúc về phía mình lại. Rốt cuộc là gánh khí giới và quân bị của Thế giới mỗi ngày mỗi nặng thêm, không biết rồi đây nhân loại có còn sức đề mang nổi nữa không, hay sẽ ngã quỵ hay đổ.

gánh sẽ gãy ngang dưới sức nặng của hai khối khí giới khổng lồ, và đè bẹp luôn cả con người gánh nó ?

* * *

Tình trạng nhân loại thật là bi đát tối tăm ! chúng ta có cảm tưởng như nhân loại là một anh chàng trọc phú gầy ốm, áo quần tả tơi, nhin đói nhin khác, đang cong lưng gánh một gánh nặng trĩu, nào vàng nào bạc, nào ngọc ngà, châu báu... lượm được trên đường đi qua sa mạc. Hễ mỗi lần thấy đầu thúng nào nặng hơn, thì anh lại cúi xuống lượm thêm châu báu bỏ vào đầu kia để cho cân nhưng vì tham lượm nhiều quá, nên đầu thúng sau này lại nặng hơn. Thế là anh lại đè gánh xuống, lượm thêm nữa để bỏ cho đầu thúng trước nặng lại. Và cứ thế, gánh châu báu nặng thêm mãi ; và chắc chắn anh ta sẽ ngã chết giữa sa-mạc, dưới đồng của quý.

Nhưng anh ta góp nhặt thật nhiều châu báu để làm gì ? — Để chế tạo súng đạn. Tích trữ thật nhiều khí giới giết người, có cách gì cứu thoát nhân loại, cứu anh chàng trọc phú ấy không ? Có lắm ! nhưng không biết anh ta có muốn nghe và chịu làm theo không ! Đó là cử chỉ ngược lại với cử chỉ trước, nghĩa là mỗi khi thấy đầu thúng nào nặng quá thì vất bớt châu báu ra, càng nhiều càng hay. Gánh sẽ nhẹ dần, châu báu vàng bạc chắc sẽ còn ít lắm, nhưng anh sẽ đi qua được bãi sa mạc, thoát chết, và số châu báu nhỏ mọn ấy, anh vẫn còn thừa để ăn uống no say, may mặc, tậu ruộng, tậu nhà.

Nhưng nói dễ mà làm khó ! khi không có quyền lợi chen vào thì người ta dễ sáng suốt lắm. Nhưng khi quyền lợi đã làm hít mắt ; người ta có thấy gì nữa đâu ? Cái cử chỉ vất ra không khó, nhưng khó nhất là phải chiến-thắng được ý muốn giữ lại. Chính cái ý muốn ấy bắt người

ta viện đủ lý lẽ để tự bào chữa, và cho mình là phải. Thành ra vấn đề then chốt vẫn là vấn đề thuộc phạm - vi nội tâm, vấn đề hoán cải lòng người, diệt trừ tham dục: tham tiền, tham bạc, tham sắc, tham danh, tham giữ độc quyền tư tưởng, tham chiếm đoạt tương lai...

Nhưng diệt trừ được lòng tham dục trong một người đã là khó; diệt trừ lòng tham dục trong cả nhân loại lại càng khó biết bao nhiêu? Chúng ta chỉ còn biết cầu mong cho đạo Phật, đạo đã có một phương pháp diệt dục thần diệu hơn hết, đạo hòa bình đã gây ảnh hưởng tốt đẹp trong chủ trương bất đề kháng của dân tộc Ấn-độ, đạo vô ngã đã đem lại cho dân tộc Á-đông cái thái độ khoan hòa độ lượng, đạo từ bi đã trải lòng thương bao la xuống đến cỏ cây, muôn vật, mong rằng đạo Bồ-đề ấy sẽ mau chóng lan tràn ảnh hưởng dịu hiền trên khắp thế giới, ăn sâu gốc rễ trong lòng người, đề trừ xuất những mầm tham dục xấu xa và thúc đẩy nhân loại làm cái cử chỉ đẹp đẽ và khôn ngoan là: bỏ ra, bỏ ra tất cả.

Đó là lời cầu nguyện thiết tha của Phật-tử chúng ta trước khi nghe nói hội nghị tối cao giữa Đông và Tây sắp khai mạc để tìm cách giảm binh bị và loại bỏ bom A, bom H, ngõ hầu tạo cho nhân loại một cảnh giới hòa bình an vui. Nếu hội nghị thất bại, nếu lòng người vẫn đầy tham dục, thì nhân loại chắc chắn không thoát khỏi nạn diệt vong.

LIÊN - HOA

Ngày 17 tháng 3 Âm-lịch, Phật-tử chúng ta hãy thành kính tưởng niệm ngày Viên-tịch của Thái-Hư đại sư, vị đại công đức trong sự phục hưng Phật-giáo thế-giới hiện đại.

CHÍNH-TƯ-DUY

PHẬT - Giáo ngoài giáo-nghĩa cao-huyền về triết-học, hình-nhi-thượng-học, rất sâu-sắc và tế-nhị về tâm-lý-học. Những chi-tiết tế-nhị hàm-ân trong chính-tư-duy: một trong Tám chính-đạo của Phật-giáo.

Như chúng ta biết, tâm-lý-học có nhiệm-vụ giải-thích và trình bày hành-động chứ không có nhiệm-vụ phán-đoán hay bài-trừ. Phán-đoán và đả-kích là nhiệm-vụ của luân-lý đạo-đức. Muốn trình-bày hay giải-thích một hành-động, tâm-lý-học nêu rõ giây liên-quan mật-thiết cùng những yếu-tố khác liên-hệ đến nó, nhất là yếu-tố tâm-tư, trước khi hành-động phát khởi. Chúng ta có thể nói rằng những yếu-tố tâm-tư này phát khởi hành-động. Nên nhớ rằng luật nhân-quả giữa tâm-tư và hành-động khác hẳn luật nhân

quả trong lý-học hay hóa-học. Trong khi tâm-lý-học không thể phán-đoán hay chỉ-trích hành-động, tâm-lý giải-phẫu ảnh-hưởng rất lớn đến sự phán-đoán của chúng ta. Một thí-dụ tầm thường: Nếu anh A có hành-động hung-bạo vì bị trêu chọc quá hạn. Chúng ta chắc sẽ nhân-từ trong sự chỉ-trích hành-động đó. Sự thực này đã diễn tả trong câu ngụ-ngôn của Pháp « Tout comprendre c'est tout pardonner », mặc dầu đây chỉ giải-thích một phương diện thôi. Có khi vì hiểu rõ những sự-kien tâm-lý trong hành-động làm chúng ta bài-trừ đả-kích hơn là tha thứ: nói dối với một ý định bất chính và tàn bạo nguy-hại hơn là nói dối một cách vô tư và ngu-muội.

Trong tâm-tư có bốn sự-kien quyết định-hành-động.

Trong bốn sự-kiện này, hai sự-kiện rất quan-trọng cho luân-lý đạo-đức :

1. — Thường thường ở một vài ý-niệm hay trong tất cả ý-niệm, chúng ta thấy có khuynh-hướng cấu-tạo hành-động trực-tiếp hay tự-nhiên, và khuynh-hướng này ta có thể tạm gọi là khuynh-hướng tự nhiên. Ý-nghĩ nguồn gió lạnh thổi xuyên vào phòng học làm tôi đứng dậy một cách tự nhiên, đi đến để đóng cửa lại, mặc dầu tôi không có một ý-định rõ-rệt của hành-động ấy. Thật vậy, khi tôi nhận rõ điều tôi làm, tôi có thể dừng lại không đi đến phía cửa nữa, vì tôi tự nghĩ rằng tôi cần một ít không khí trong sạch hơn là ẩm-áp. Một số tâm-lý-học-gia cho khuynh-hướng tự nhiên này là nguyên-lý chính của hành-động tự-nhiên, một số khác không công-nhận khuynh hướng này và cho rằng những gì chúng ta làm, chúng ta ít nhất cũng có ý-tưởng lơ mờ trong tâm-trí và kết-quả định sẵn (chẳng hạn như muốn được ấm hơn), lẫn-lộn với hình-bóng mong đợi: phương-tiện đạt đến kết-quả đó (chẳng hạn như đứng dậy đóng cửa). Trong trường hợp này hành-động tự-nhiên chỉ là hành-

động định sẵn và ước-mong, nó đã trở nên quen thuộc vì lặp đi lặp lại. Dù sao đi nữa, nếu hành-động ấy là tự-nhiên, nó trở thành « vô-ký » và chỉ khi nào ý muốn liên-quan đến hành-động, chẳng hạn như tôi có ý muốn ưa không-khí trong sạch, hành-động tự-nhiên ấy trở thành « hữu-định », và nếu nó là hữu-định, nó đứng trong phạm-vi luân-lý-học. Khuynh-hướng tự nhiên này, nếu thực có khuynh-hướng tự-nhiên rất quan-trọng cho đời sống đạo-đức. Nếu ý-niệm có thể hoàn-thành trong hành-động, điều thiết-yếu cho con người là phải có ý-niệm chân-chính. Vậy chính-tư-duy của Phật-Giáo rất quan-hệ không những cho người tu-hành mà cho tất cả những ai muốn vươn mình ngoài đà sống tầm thường muốn trở nên « con người », muốn một xã-hội thanh-lịch, văn-minh, an-hòa hơn.

Trong kinh Lăng-nghiêm đức Phật có dạy : « Nếu chúng-sinh tâm nghĩ đến Phật, hằng tư-tưởng đến Phật, lập tức sẽ được thấy Phật ». Từ chính-tư-duy đến hành-động chân-chính và kết quả viên-mãn không xa mấy. Nhân-quả vượt qua quan-niệm thời-gian và không-gian.

2. Khuynh-hướng thứ hai: Chúng ta hành-dộng vì chúng ta ưa muốn: khi đối chúng ta muốn vật thực để ăn. Chúng ta khao khát hiểu biết nên học tập. Ưa muốn sự thực là một khuynh-hướng phát-triển của tâm-tư, và vì nó rất quan-trọng trong hành-dộng luân-lý, chúng ta phải khéo-léo dắt-diu nó.

«Diệt-trừ dục-vọng» đó là một phương-diện tu-hành trong Phật-Giáo. Điều nguyên-hiễm nhất là chúng ta có thể hiểu lầm nguyên-lý đó. Platon và Aristote, triết-học-gia Hy-Lạp cũng chủ-trương diệt-dục nhưng như chúng ta biết, chúng ta không làm sao diệt trừ hẳn tất cả ưa muốn, hơn nữa, giả sử chúng ta có thể diệt trừ tất cả ưa muốn, cuộc sống như thế chỉ là một cây khô, không tinh-cảm, không xúc-dộng, không những ánh sáng chói lòa của tâm-trí của ý-thức. Không, diệt-dục, của Phật-giáo chỉ là phương-tiện ban đầu, cố dằn-dẹp tất cả dục-vọng xuống đáy tâm-tư, rồi từ đấy hướng-dẫn nó theo con đường do chính-tư-duy chủ-dộng. Chúng ta không thể diệt trừ ý muốn làm Phật và độ chúng-sinh.

3. — Một đôi khi chúng ta hành-dộng vì những khuynh-hướng vô tư. Những khuynh-hướng này có khi được xem là những ý-muốn vô-tư, dẫn đến hành-dộng giống như những ý muốn trên. Ý muốn vô-tư là ý muốn mà chúng ta khó lòng quan-sát được. Trong trường hợp này, chữ «ý-muốn» rất thích-hợp những ý-muốn thật ra không hoàn-toàn vô-tư. Những ý muốn vô-tư này khác hẳn những ý muốn hữu-định vì thường thường không thể điều-khiển, và hoàn-cảnh xã-hội khó lòng mà ảnh-hưởng được chúng, chẳng hạn như nhục-dục. Mặc dầu chúng ta không thể điều-khiển hoàn-toàn nhục-dục thiên nhiên này, chúng rất có ảnh-hưởng đến hành-dộng và tư-tưởng của chúng ta. Con người sở dĩ có trở nên văn-minh hay không đều nhờ tinh-thần điều-trị nhục-dục có mạnh hay không. Chính-tư-duy ở đây rất quan-hệ mật-thiết với khuynh-hướng tâm-lý thiên-nhiên này.

4. — Khuynh-hướng tâm-lý thứ tư là hành-dộng theo quan-niệm bổn-phận và quan-niệm này được Kant, triết-gia Đức (xem tiếp trang 21)

THÁI-HƯ ĐẠI SƯ

Thái-Hư Đại-Sư một bậc Cao-lăng của thế kỷ 20, một vị đại công đức vớt nền thống-nhất Phật-Giáo thế-giới. Riêng Phật-Giáo Việt-Nam chúng ta cũng mang ơn Ngài rất lớn, chính công cuộc chấn hưng hiện tại phần lớn là nhờ ảnh hưởng sự kêu gọi của Ngài ở Trung-Quốc, các cấp lãnh đạo các cơ quan Phật-Giáo hiện tại đa số là đệ tử bằng sách của Ngài.

Ngày 17 tháng 3 Âm-lịch này, kỷ niệm ngày viên-tịch của Ngài, chúng ta không gì hơn ghi lại một vài nét của đời Ngài, hầu khích lệ nhau trên đường phục-ục chánh-pháp.

L. T. S.

Nhìn qua vài nét về lịch-sử thời đại.

NHỮNG phát minh khoa học đã làm cho nền kỹ nghệ các nước Tây-phương phát triển mạnh. Hàng hóa sản xuất từng loạt lớn cần phải được tiêu thụ ở những thị trường ngoài nước. Điều đó đã thúc đẩy các nước phương Tây dòm ngó sang phương Đông và họ bắt đầu cuộc tranh giành, xâm xé các thị trường béo mớ.

Trong sự tranh đấu chống các lực lượng cơ giới từ bên ngoài vào, các quốc-gia Đông phương, ngay cả đến Trung - Hoa rộng lớn văn-minh lâu đời, đều lần lượt thất bại. Sức mạnh mẽ của nền phong-kiến hẹp hòi, bảo thủ đã phải tan rã.

Đến đầu thế kỷ hai mươi, các nước Đế quốc phương Tây càng ức hiếp Trung - Hoa đủ điều. Ngoài việc giành dật, cướp xé đất nước Trung-

Hoa, Anh, Nhật, Nga mật ước vớ; nhau để chia cắt các nước phụ thuộc Trung-Hoa. Anh can thiệp vào Tây-Tạng, Nhật chiếm Mãn-Châu, Nga tung ảnh hưởng vào Nam-Mãn và Đông-Mông. Các tư bản ngoại quốc bỏ tiền đầu tư; lập ngân-hàng cho vay, kinh doanh rộng lớn.

Đất nước Trung-Hoa trở thành một mồi ngon cho bầy thú dữ thêm khát. Dân chúng Trung-Hoa là nô lệ bán sức lực, tài sản mình cho những chủ mới. Tình hình ấy đòi hỏi dân-tộc Trung-Hoa phải vùng dậy. Phải làm một cuộc cách mạng! Và cách mạng Tân-hội đã thành công.

Song song với cuộc cách-mạng chính-trị, phải tiến hành một cuộc cách-mạng văn-hóa. Các học giả danh tiếng Khang-hữu-Vi, Lương-khai-Siêu... đã thấy chỗ đòi bại của nền văn-học cũ và bắt đầu tìm hiểu văn-minh phương Tây.

Trước làn sóng văn minh mới, Phật-Giáo cần phải từ bỏ những tệ hại mê tín, tiêu cực của những triều đại suy đồi trước để trở về với cái tinh thần chân chính thuở khai sinh. Thượng-tọa Mật-Thê trong khi nghiên cứu đến Phật-Giáo Trung-Hoa thời ấy đã viết: « Đến thời Tôn-Văn nổi lên làm cách-mạng, xướng thuyết: Tam dân chủ nghĩa rồi diệt nhà Thanh lập nền dân quốc, dân chúng ảnh hưởng văn-minh thì

Phật-học cũng tăng và đi vào con đường nghiên cứu. Nhờ vậy mà Phật-Giáo nảy ra nhiều tia mới lạ »

(Việt-Nam Phật-Giáo sử-lược)

Phải nghiên cứu giáo-lý các đức Phật với một tinh thần mới, đúng đắn và chính xác. Phải thống nhất các lực lượng Phật-Giáo trong nước và ngoài nước, hướng vào con đường phục vụ thiết thực cho nhân loại.

Phong-trào chấn hưng Phật-Giáo do đó, đã được đề xướng và nhiệt liệt hưởng ứng. Lãnh đạo phong-trào này là Thái-hư Đại-sư, vị thầy sáng suốt, lỗi lạc của thời đại chúng ta.

Cuộc đời và sự nghiệp của Thái-hư Đại-sư.

Thái-hư Đại-sư sinh ngày 18, tháng 12, năm Quang-tự thứ 15. Lúc thiếu thời, người đã tỏ ra thông minh, ham nghiên cứu và có óc thực tiễn. 16 tuổi người tốt nghiệp trường Cao đẳng Bắc-Kinh. Từ đó, người thanh-niên tuấn tú đã cống hiến cuộc đời của mình để phụng sự cho chánh-pháp, cho nhân loại..

Người xuất gia tu học với Kỳ-Xương pháp-sư và năm 23 tuổi đến trú trì chùa Song-Khê núi Bạch-Vân.

Không như nhiều nhà sư khác, năm tháng tu tịnh trong những ngôi chùa thâm sơn vắng vẻ để bồi dưỡng cao đức riêng, Thái-Hư Đại-sư đã

lăn lộn trong cuộc đời, ném đủ mùi cay đắng để vận động những công việc lợi ích cho chánh-pháp, cho nhân-quần. Sau khi bị nghi ngờ và cầm cổ trong vụ biến Hoàng-hoa-Cương, Đại-sư tự bảo « không những đủ sức thâm nhập Phật-pháp mà còn đủ sức nhập vào tà ma, lăn vào nguy hiểm ».

Sự nghiệp của Đại-sư rộng lớn vô cùng. Trong giới hạn của bài này, chúng ta có thể đại lược công trình của Đại-sư theo ba phương châm mà người đã tuyên bố « Cách - mệnh giáo-lý ! Cách-mệnh giáo-chế ! Cách-mệnh giáo-sân ».

Cách-mệnh giáo-lý !

Năm dân quốc thứ ba, sau khi thấu suốt giáo nghĩa đại thừa, tiểu-thừa, thấu suốt bao nhiêu học thuyết cổ kim, Đông Tây, Đại-sư bắt đầu hệ thống lại giáo-lý về ba mặt :

Pháp không quán hệ
Pháp tướng duy thức
Chân như tịnh đức.

Ba năm sau, Đại-sư xuất du sang Đài-Loan, Nhật-Bản v.v... để khảo sát tình hình Phật-Giáo Á-Đông, bồi bổ thêm trí thức của mình. Lúc trở về nước, Đại-sư sáng lập tờ tạp chí Giác-xã tùng-thư, sau này đổi thành Hải-trào-âm để truyền bá tư tưởng mới. (Hiện nay vẫn còn xuất-bản)

Đại-sư đã nhiều lần tiếp xúc với các bậc cách-mạng văn-hóa danh tiếng

thời đó như Hồ-Thích, Cầm-Hy, Lương-khai-Siêu, Cao-nhất-Hàm v. v. ... để thảo luận về các vấn đề Phật-pháp, Và, Đại-sư cũng đã giảng kinh nhiều lần ở các Đại-học-đường để phổ biến giáo-lý vào các tầng lớp thanh-niên, học thức.

Những hiểu biết của Đại-sư ghi truyền lại trong rất nhiều sách mà chỉ cần đọc đến tên sách ta cũng đủ hình dung được sự rộng lớn, sâu sắc :

Tân duy thức luận, Đại cương nhân minh học, Khoa-học nhân-sinh-quan, Hai mặt văn-hóa loài người, Giải thích luận khởi tín bằng duy thức học, Giảng nghĩa chương duy thức học, Giảng nghĩa kinh Ưu-bà-tắc, kinh kim - cang, Ba cuốn sách của Từ - Tôn... và các kinh sách giá trị được dịch bằng các thứ tiếng hiện lưu hành trên thế giới.

Những tài liệu vô cùng quý giá này đã làm sáng tỏ một cách chính xác, giáo-lý cao sâu của đức Thích-Ca 2000 năm về trước.

Cách-mệnh giáo-chế !

Trong cuộc đại-hội lần thứ hai tại Ba-Lê, Đại-sư đã nói : « *Thất-Hư tốt, tuy ôm chỉ chốn hưng Phật-Giáo, thể hiện thân với Tam-bảo, nhưng đức mỏng tột hèn có làm gì được nhiều. Chỉ nguyện góp với các ngài một tia sáng qua khe cửa trong muôn nghìn tia sáng khác.* »

«*Thái Hư* tôi thiết nghĩ phải thống nhất tất cả Tăng già và cư sĩ thì không thể chấn hưng Phật-giáo được...»

Phải chỉnh lý Tăng già mới có người duy trì chánh pháp. Phải thống nhất cư sĩ mới phổ cập Phật Pháp vào các tổ chức quần chúng.

Xưa chính quyền vua thì khác. Ngày nay quyền sống, dân đã có ý thức rồi thì phải phổ cập chính pháp vào dân chúng mới được.

Ngày nay, một là không thể chỉ nghĩ đến việc tìm tu ẩn kín để bồi dưỡng cao đức của mình, mà phải nghĩ đến việc hóa đạo quần chúng ; hai là không thể chỉ nghĩ đến việc giải quyết vấn đề chết, vấn đề đời sau, mà phải phục vụ nhân loại . »

Với ý chí thống nhất lực lượng, năm Dân-quốc thành lập, Đại sư đã theo đại đức Kỳ-Thuyền đề xướng thành lập hội Phật-giáo Trung Hoa. Rồi lần lược, đến năm Dân quốc 8¹ thành lập hội Chánh-tín Phật-giáo ở Hồ-nam ; năm Dân quốc 17, sáng lập hội Phật-học Trung-Hoa ở Nam Kinh và năm sau thống nhất tất cả các hội thành hội Phật-học toàn quốc gây thành phong trào rộng lớn, có đường lối, tôn chỉ rõ ràng. Phân hội đặt tại các địa phương trong nước và ngoài nước ở những nơi mà Hòa-Kiều tập trung đông đảo như Tân-Gia-Ba, Ngưỡng-quang, Nam dương Vọng-các...

Trước sự phát triển những quan hệ về mọi mặt giữa các nước trên thế giới, sự đòi hỏi thống nhất Phật-giáo không còn chỉ nằm trong phạm vi một quốc gia. Phải thống nhất Phật giáo toàn thế giới. Vào mùa hạ năm dân quốc 13, tại chùa Đại lâm núi Tô sơn, cuộc đại hội liên hiệp Phật-giáo Thế-giới đã được triệu tập Đại biểu các nước tham gia rất đông.

Bốn năm sau, sau khi thống nhất Phật-giáo toàn quốc Trung-hoa, Đại sư bèn xuất dương đi khảo sát tình hình Phật giáo các nước Âu Mỹ. Đại sư đã viếng thăm các trung tâm văn hóa các trung tâm kinh tế và thủ đô nhiều nước, đã mang đến cho họ những nét tươi sáng và huyền diệu của đạo Phật. Rất đông học giả danh tiếng đã ca ngợi nền giáo lý của đức Thích Ca cũng như đã ca ngợi vị tu hành đồng phương lỗi lạc. sau đó, các hội Phật học được thành lập ở các nước Anh, Pháp, Hòa-lan, Đức ..

Hoạt động của nhà tu hành không đóng khung trong các ngôi chùa mà phải thâm nhập vào nhân quần. Từ ngàn năm xưa, đức Thế tôn là giáo hóa quần chúng cho đến ngày cuối cùng của ngài tại thế gian. Ngày nay, phương châm này được Đại sư tuân theo.

Năm dân quốc thứ 26, Nhật bản xâm lược Trung hoa, Đại sư bèn lấy tư cách tín đồ Phật-Giáo gọi điện đề nghị các tín đồ Phật-Giáo Nhật-bản

kháng nghị đòi chính phủ họ đình chỉ hành vi xâm lược tàn bạo. Đồng thời với lời kêu gọi dân tộc Nhật bản đừng xâm phạm đến sự sống con người, Đại sư đã tha thiết kêu gọi dân tộc Trung hoa hãy bảo vệ lấy sự sống của mình. Và với tư cách người công dân Đại sư đã đứng ra tổ chức các đoàn cứu hộ để giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh. Từ đó, ở mọi chiến tuyến, lẫn lộn trong khói đạn ghê tởm, trong điều tàn thương tâm, đoàn người từ bi lặn lội làm việc cứu sự đau khổ cho con người, sau những cơn sầu hận hãi hùng.

Cách mạng giáo sản !

Tất cả phải góp phần cho việc chấn hưng Phật-giáo. Các chùa chiền, học viện, các cơ quan văn hóa và từ thiện được xây cất ở nhiều nơi và đều nhắm phát triển việc bồi bổ, tu hành chánh pháp.

Năm dân quốc thứ 10, Đại sư sáng lập Phật-học viện Võ-Xương, một học viện quy mô vĩ đại. Mùa thu năm Dân quốc 13, Đại sư thiết lập phòng nghiên cứu cho Phật-học viện và Phụ nữ học Phật.

Năm dân quốc 36 trong lúc Đại sư đang chuẩn bị triệu tập Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc trong

ngày 8-4 và đồng thời phát động triệu tập hội nghị liên hiệp Phật-giáo Thế-giới thì Đại sư thọ bệnh.

Rồi vào 1 giờ 13 phút ngày 17 tháng 3 năm ấy, Thái hu đại sư viên-tịch. Người Phật tử Trung-hoa cũng như người Phật tử Thế giới đau buồn từ biệt vị thầy sáng suốt của thời đại chúng ta, người đã suốt đời tận lực vì chúng sinh.

Kết luận.

Cuộc đời của Đại sư là một quá trình hoạt động không ngừng cho chánh pháp, cho nhân loại.

Đại sư đã gây sự nghiệp thổng nhất các lực lượng Phật-giáo thế giới. Đại sư đã nêu lên một vấn đề sống còn của Phật-pháp, vấn đề nhân gian Phật-giáo, Đại sư đã mở một tiền đồ tươi đẹp cho Phật-giáo trong thời đại chúng ta.

Tiền đồ càng rộng rãi, tươi đẹp, nhiệm vụ người Phật tử càng rõ ràng, nặng nề nhưng vinh quang. Và trên đường phục vụ cho nhân loại hòa bình ngày nay cũng như sau này, sự nghiệp và tư tưởng của Đại sư luôn luôn sâu đậm trong lòng mỗi một chúng ta.

TOÀN-THIỆN

Liên-Hoa năm thứ nhất, thứ nhì và thứ ba hiện còn tại Tòa-soạn, vị nào muốn thỉnh cả ba năm hay một vài năm, xin biên thư về Tòa-soạn, giá tiền Liên-Hoa các năm ấy vẫn 120\$ mỗi năm.

SỐNG LÀNH MẠNH

Tặng học-sinh trường BỒ-ĐỀ

Kỷ-niệm ngày cấm trại của Học-sinh trường
Trung học BỒ-ĐỀ Huế tại Thuận-An 5-4-58

T RONG sương sớm kết đoàn vui tiến bước

Các em qua làng mạc ruộng vườn xinh,

Trong mừng reo chào đón ánh bình-minh,

Al phân biệt lời chim hay tiếng trẻ ?

Hằng khao-khát trăng ngàn cùng gió bề,

Lòng trẻ son tung nhẹ cánh nghìn chim...

Mạch đời lên tràn ngập rộn bầu tim,

Phải chung sống đời trao tình bạn tác.

Em quê hương Miền BẮC,

Em ở vùng Trung - NAM,

Dưới BỒ - ĐỀ khắng-khít giải đồng tâm,

Xây dựng lại con người cho giống Việt.

Trước: Mây bạc tuyết vời, bề xanh biên biển
 Thả hồn theo gió lộng tự muốn phương,
 Giữa ba đào phản-chiêu ánh xuân-dương,
 Đua bơi lội cho người thêm rắn chắc.
 Lướt sóng bạc cho làn da thanh-khiết,
 Hớp trăng vàng cho lòng đỡ khát-khao.
 Tiếng reo vang trong tiếng sóng thét gào,
 Buồn phôi mờ đôi đào nguồn sinh-lực.
 Quanh đồng lửa đêm thanh bừng sáng rực,
 Kịch reo hò lẫn lướt góp trò vui.
 « Gà một nhà » (1) bơi mặt đá những ai ?
 Màn kịch nhỏ dựng xây càng thắm thía.
 Các Em góp :
 Trong trắng, ngây thơ, tài-hoa, diễm lệ,
 Diễm tở đời Tuổi Trẻ Đẹp nên thơ...
 Bước ra đi đề Trăng Nước mong chờ
 Ngày tái hội đàn chim gieo ánh sáng.
 Sống Lành-Mạnh chung vui thấy với bạn,
 Mỗi cảm tình vô hạn, nói làm sao ?
 BỒ - ĐỀ gương-sáng nêu cao.

HOÀI - MAI

(1) Tên vở kịch do học-sinh
 Độ-ngũ B5 trình diễn.



PHẬT-HÓA GIA - ĐÌNH

CÓ nhiều Phật-tử tại-gia đã lãng quên một Phật-sự rất quan-trọng mà họ cần phải làm ngay sau khi xác nhận Phật-giáo là lẽ sống cao đẹp của họ : ấy là Phật-hóa gia-đình.

Nhiều vị gia-trưởng là một Phật-tử chơn chánh, thuần-thành nhưng quyến-thuộc của họ vẫn còn sống với mê lầm, tội lỗi khinh dể Tam-bảo, không hề biết đến một tí gì về đạo-dức.

Câu «Ông tư ông đặc...» có lẽ sẽ là một luận chứng đê họ bênh vực sự không tròn bõn phận đối với việc hướng dẫn tín-ngưỡng cho gia-đình.

Nên biết rằng một Phật-tử tại gia, khác với các vị xuất-gia, phải hoàn toàn chịu trách-nhiệm đối với cuộc sống của gia-đình về mọi phương diện, nhất là phương diện tinh thần mà sự tín ngưỡng là quan-trọng.

Thậm chí có những gia đình chống thì tin Phật, vợ đồng-bóng, con theo ngoại đạo v.v : sự tín-ngưỡng trong gia-đình rất phức tạp. Do đó, niềm tin yêu, sự hòa thuận của gia đình không còn nữa, lắm khi còn chống-đối xô-xát lẫn nhau. Vẫn biết tự-do tín-ngưỡng là quyền thiêng-liêng của con người, nhưng nguyên-tắc này chúng ta nên để dành cho địa-hạt chánh-trị và cần áp dụng trong phạm-vi rộng-rãi hơn : quốc-gia và xã-hội. Chứ trong gia-đình thì phải giữ sao cho sự tín-ngưỡng được đồng nhất để bảo-vệ hạnh-phúc gia-đình. Vì sự sinh-hoạt trong gia-đình có tính-cách thường xuyên và phải có tình thân mật hơn sự sinh hoạt ngoài xã-hội. Nếu tín ngưỡng của các phần tử trong gia đình không đồng nhất thì dễ sinh ra những sự bất-hòa và tranh chấp lẫn nhau.

Ngoại trừ những gia đình trong đó toàn là những người biết đặt cao tình thiêng-liêng của gia-tộc và triệt-đề tôn-trọng quyền tự-do tín-ngưỡng thì không nói, còn phần nhiều nếu sự tín-ngưỡng phức tạp thì nhất-định phải rã tan hoặc còn thì cũng chỉ là cái xác không hồn. Thử tưởng-tượng trong một lễ kỵ, cha mẹ thì vái lạy một cách kính-cần, mà con, cháu thì lơ là khinh dễ hay trong một bữa giỗ, người thì hớn-hở vui mừng vì lâu ngày mới có một bữa ăn sum họp dưới sự chứng kiến thiêng-liêng của tổ-tiên, ông bà, kẻ thì hay ngạo-nghe, chê bai là ăn những đồ thừa của ma quỉ... Chỉ từng ấy cũng đủ cho ta thấy được sự mất hạnh-phúc của những gia-đình không đồng nhất về tín-ngưỡng.

«Biết mà không nói là bất nhân» Vì thế người Phật-tử tại gia không thể dễ cho quyền thuộc phải sống một đời sống thiếu đạo-dức, lạc vào tà-đạo mà phải làm sao cho thân quyền cũng hưởng được Pháp-vị giải-thoát của Phật-giáo. Không Phật-hóa được gia-đình thì không những người Phật-tử tại gia đã thiếu hẳn lòng thương đối với quyền thuộc mà còn tỏ ra lòng

tin Tam-Bảo của họ chưa được kiên-cố. Hơn nữa với những người gần gũi, thân-mật cùng huyết thống, mà còn không hóa-độ được, thì mong gì hóa-độ được những chúng sanh xa lạ. Tinh-thần lợi tha không cho phép người Phật-tử bỏ qua Phật-sự quan-trọng ấy.

Vì là một Phật-sự quan-trọng, nên thực-hiện được không phải là chuyện dễ. Nhưng, nếu quyết tâm, không sợ khó, biết áp-dụng những phương pháp ôn-hòa, khéo-léo và nhất là phải dẻo-dai dễ trường kỳ cảm hóa thì nhất định thành công.

Thiết nghĩ, nếu một Phật tử tại-gia đã trở về mà sống theo Tam-Bảo thì ắt có một sự thay đổi lớn : độc ác trở nên hiền hòa, biếng nhác trở nên tinh-tiến, nhu-nhược trở nên hùng-lực, phiền-phức trở nên đơn giản... thì cha mẹ vợ chồng bà con ai mà chẳng kính mến — Do đó không cần nói nhiều, mọi người trong gia đình cũng nhận được cái hay cái đẹp của Chánh-pháp thể hiện trên hành vi ngôn ngữ của người tin Phật và có thể trở về với Chánh-Pháp một cách dễ dàng — Sống đúng Chánh-Pháp là một cách Phật-hóa gia đình mau chóng và có hiệu-quả nhất.

Ngoài ra nên dùng hình-thức nghi lễ để gián tiếp cảm hóa : tượng Phật trang nghiêm, lời kinh uyển chuyển và những cái lạ kính thành... đều có thể làm cho người cải tà quy chánh; những lời nói ôn hòa, cử chỉ từ-thiện đều phát khởi được thiện tâm của thân thuộc.

Tuy nhiên, cần phải khéo-léo trong việc khuyến thiện, không nên tự phụ và khinh dễ những người chưa biết hướng thiện. Vì như thế chỉ gây ác cảm và kết quả là không bao giờ cảm hóa được họ. Không nên bắt buộc thân thuộc phải làm y hệt như mình hoặc phải tu dưỡng quá-sức của họ.

Sở dĩ có nhiều người khi nhỏ ở với cha mẹ vẫn ăn chay, tụng Kinh, niệm Phật nhưng khi khôn lớn thì cuộc sống của họ

không ảnh hưởng được một tí đạo đức nào là bởi cha mẹ đã vụng về trong việc Phật-hóa gia đình. Phải hiểu rõ tâm tính từng người để hướng dẫn một cách khéo léo, làm sao cho họ hiểu biết và vui thích trong khi áp dụng Chánh-Pháp.

Nói tóm lại, nếu mọi người Phật-tử tại-gia ý-thức và thực-hiện được vấn đề Phật hóa gia đình thì không những đã làm tròn bổn phận của mình mà còn xây dựng được hạnh phúc gia đình, góp sức vào công việc cải tạo xã hội trong phạm vi đạo đức; nhất là Chính những thân quyến được cảm hóa ấy sẽ là những Thiện-tri-thức trực tiếp giúp đỡ cho mình tinh tiến mãi mãi trong sự tu học và phục vụ Chánh Pháp.

Thế nên, Phật hóa gia đình quả là một Phật sự phải làm sau khi gặp được Chánh Pháp và trước tất cả những Phật sự khác.

THÍCH-THIỆN-CHÂU

Chính - Tư - Duy . . .

(tiếp theo trang 9)

xem là hình-thức quan-yếu nhất về luân-lý. Ở đây chúng ta không đủ thì giờ để xem xét quan niệm bổn phận có vững vàng hay không. Phần đông các nhà tâm-lý-học cho rằng quan-niệm bổn phận chỉ là một trong những ý muốn của chúng ta, một ý muốn rất phức tạp, nhưng không khác những ý muốn tâm-lý khác. Một số khác chủ trương rằng, chúng ta có một khuynh-hướng rõ rệt và khuynh-hướng ấy gọi là lương-tâm. Lương-tâm là căn-bản của những phán-đoán luân-lý. Ở đây chúng ta gặp một trường hợp khó giải quyết: phải chăng lương tâm là một

sự-kiện tâm-lý thiên-nhiên và độc-lập, hay nó là một hỗn-hợp cấu-tạo bởi hoàn cảnh, tập tục và bổn phận thân thể. Dù thế nào đi nữa, lương-tâm vẫn nhờ ở trí-tuệ để biệnt-biệt tà chính, và muốn phát hiện trong hành-động phải nhờ chính-tư-duy. Như vậy, chính-tư-duy, dù theo quan-niệm Đạo-đức hay tâm-lý vẫn hết sức quan-trọng trong đời sống hằng ngày...

Chúng ta chỉ cần đủ thì giờ để đi xa và đi sâu vào giáo-lý Phật-Giáo, kiếm tìm những chân trời mới lạ tiềm-tàng trong ấy.

Viết tại Luân-Đôn

THÍCH-TRÍ-KHÔNG

Ông hoàng thành

LA - PHIẾT

Mẫu chuyện đạo của Quảng-Huệ

NGƯỜI ta gọi ông là ông hoàng thành La-Phiết. Ông hoàng sống nghênh ngang, xem tất cả sự việc ở đời bằng nửa mắt, coi mọi người thấp dưới vai mình. Trong những cuộc săn, ông không tha thứ cho một vật nào muốn thoát trốn. À! lũ súc sinh! Ta phan thấy chúng bay ra xem thử trong cuộc chạy đua này kẻ cuối cùng thắng lợi có phải là ông hoàng thành La-Phiết không?

Trong lúc giao tiếp với người đời, ông hoàng chưa nhận một lời nào khác với ý kiến mình. Những lời tán thưởng, phụ họa cũng làm ông giận dữ, vì trên cõi thế gian này không thể có một người thứ hai nào nghĩ như ông. Tính kiêu căng thường dẫn đến lòng hung bạo. Ông hoàng đã có nhiều lần ra lệnh đánh đập hoặc hạ ngục những quan thần tuổi tác dưới quyền ông.

Những buổi chiều ngồi trên ngựa, ông đi chơi với vài người hầu cận. Những lúc ấy, các người hành khất, các bà mẹ nghèo nàn rách rưới, các người đàn ông lam lũ đều phải tránh trốn. Không may cho họ, nếu không kịp, ông hoàng thấy được, kẻ nghèo nàn sẽ bị bọn hầu cận vật ngã và thổi đám túi bụi. Họ đã phạm lỗi lớn: làm cho cảnh chiều êm ả xấu xa đi, làm cho lòng ông hoàng kém phần vui vẻ.

Một đôi lúc, thoáng qua trong trí ông cái cảnh dầy dụa của những con thú dưới lưới giảo, cảnh kêu gào thảm thiết

của những kẻ thất trận, cảnh đề hèn của bọn tôi tớ đang hành hạ một người yếu đuối. Những cảnh ấy chỉ thoáng qua rất nhanh như một làn sương mỏng trên màn non nước buổi chiều. Cũng có vài người tu-hành đến bàn luận đạo giáo với ông. Nhưng Họ chỉ đón lấy một sự lãnh đạm mà thôi. Cái con người kiêu ngạo ấy thấy chỉ có mình là trung tâm khôn ngoan nhất của thế gian này.

..

Một hôm, ông hoàng nghe một cận thần nói về chuyện Đức Phật. Thật là hiếm có! Vì chưa lần nào ông hoàng chịu nghe ai lâu như thế. Rồi khi nghe xong câu chuyện của Thái-tử nước Ca-Tỳ-La-Vệ, bỏ cảnh sống ngọc ngà, bỏ ngôi báu, ra đi tìm đạo, rồi lại lặn lội qua nhiều kinh thành để truyền bá đạo lý, ông hoàng kết luận: Thật là một người kỳ lạ. Thật là một người kỳ lạ! Từ bỏ những cảnh sang trọng tột bậc ở đời! tại sao như thế? hay là còn có một sự gì chắc chắn hơn những sang trọng ấy!

Lần đầu tiên trong đời, ông hoàng thấy có một người có can đảm hơn ông. Ông hy vọng có ngày gặp con người lạ lùng ấy, gặp Đức Thích-Ca.

Ngày chờ đợi đã đến. Từ phía trước, ông thấy một vị tu hành khoác y vàng, mang bình bát, tiến đến trong dáng điệu hiền từ. Và trong đôi mắt người, sáng ngời một hùng lực vô song. Ông hoàng tự thấy mình tầm thường. Cái kiêu ngạo tiêu tan trước sức mạnh của từ-bi hùng-lực. Ông hoàng bước xuống ngựa và đến chào người đáng kính mến đang tiến đến, Đức Phật Thích-Ca. Đức Phật khiêm tốn đáp lễ và dẫn ông đến dưới bóng mát của cây lớn bên đường. Ông đi theo ngoan ngoãn như một con voi dữ phục tùng người quản tượng.

Đến nơi, ông hỏi Đức Phật:

«Thưa ngài tôi ao ước gặp Ngài để xin Ngài chỉ vẽ cho cái gì là sung sướng nhất ở đời này».

Đức Phật bảo:

«Trong đời này, người chí-nhân chỉ có một sung sướng là chánh đạo. Nhìn nhận sự tương quan sinh tồn, chí nhân khổ cái khổ của người; vui cái vui muôn loài, gây lợi cho người trước mình. Cái sung sướng ấy là cái sung sướng vô thượng. Ngoài cái sung sướng ấy, các khoái lạc khác chỉ

là nhỏ hẹp, tạm thời ảo tưởng. Đòi tìm sự sung sướng trên cái đau buồn của thế gian này chỉ là gây thêm nhiều tội ác, nhiều hối hận cho mình »

Ông hoàng La-Phiệt thật chưa nghe lời nào sâu xa như thế. Ông thấy ông đã đi sai nhiều quá! Ông bèn hỏi Phật :
« Xin ngài cho con biết phải hành đạo như thế nào »,
Phật vẫn tắt trả lời !

« Hãy tưởng niệm Phật-Đà, hãy từ-bi thương người, hùng lực cứu người ».

Lần gặp gỡ đầu tiên tuy ngắn-ngủi nhưng đã đánh dấu sự thay đổi trong con người kiêu ngạo nhất của thành La-Phiệt. Những lời vàng vắn văng vẳng bên tai ông. « Hãy từ-bi thương người! hùng lực cứu người! Hãy tưởng niệm Phật-Đà ». Sau khi đức Phật đã đi rồi, Ông hoàng mới lên ngựa trở về nhà. Ngựa càng phi nhanh, hơi gió rít bên tai ông. Bụi cuốn mù phía sau. Ông hoàng phồng ngực thở mạnh. Đến nhà, ông gò nhanh cương ngựa. Con ngựa lồng lên rồi dừng lại. Ông hoàng vừa nhảy xuống thì vừa thấy người hành khất sợ hãi đứng nép sát vào ngõ mình. À! sao lại có người hèn hạ, chướng mắt như thế này! Người hành khất run rẩy xin ông tha tội, nói không ra lời. Ông hoàng nổi giận dùng đũa. Ông bước đến, giá con roi ngựa đang cầm trong tay định đánh đuổi người khốn nạn. Bỗng ông sực nhớ lại hình dung nghiêm-tử của Đức Phật. Ông dừng tay lại và trong giây phút ông nhìn lại ông. Những dáng điệu hùng hổ còn bay hơi nóng cháy và trước mặt ông là người ăn mày đang cúi mình tận đất để đón lấy tất cả hờn giận đang trút xuống. À! thế ra chính tự ông, ông đã đốt cháy tâm can ông. Ông hoàng bước lùi lại trong lúc người hành khất đi nhanh ra xa. Ông dắt ngựa vào nhà giữa sự ngạc nhiên của mọi người

Tối hôm ấy vợ ông gặng hỏi đầu đuôi. Ông hoàng bèn thuật lại cho vợ nghe sự gặp gỡ Đức Phật. Hình dung Đức Phật hiền từ và dũng cảm hiện ra trước mặt ông và lời dạy của ngài vọng lại trong tâm ông: Hãy từ-bi thương người, hãy hùng lực cứu người.

Rồi ông hoàng nằm nghĩ mông lung. Hơn nửa đời người, ông đã đi theo con đường kiêu căng. Ông đã tự tạo sự sung sướng của ông bằng cách cướp giựt sự sung sướng của kẻ khác. Và nhất là ông đã tàn bạo với kẻ nghèo chỉ vì họ... nghèo. Họ nghèo để cho ông tưởng tượng rằng ông là kẻ sướng nhất !

Ông ăn năn nhiều. Từng lúc ông lại tưởng tượng đến gương mặt từ-bi và dững cãm của Đức Phật. Đó là hiện thân của đẹp đẽ, của sung sướng; đó là mục đích của con người. Rồi ông niệm: «Nhớ Phật phải nhớ đến người nghèo khổ. Tưởng Phật hãy tưởng đến người nghèo khổ».

Sáng hôm sau, ông đình cuộc đi săn để đi tìm Phật, ông đi bộ một mình. Đến một đoạn đường, ông gặp một người hành khất già, ốm yếu và đói khát đang nằm liệt bên vệ đường. Không chút do dự, ông tiến đến. Người hành khất thấy ông, ngơ ngác nhìn quanh tìm chỗ ẩn trốn. và hình như kiệt cả sức nên thu hình nhỏ lại, trở mặt vào trong rồi nhắm mắt lại. Người ăn mày nghe như có ai lay mình, hỏi han ân cần nhưng không dám nhúc-nhích. Một hồi, ông ta mở mắt ra và kinh hoàng khi nhìn thấy ông hoàng đang ngồi một bên. Rồi có đồng tiền lán trong vành nón. Ông hoàng đang dốc hết cả tiền trong túi ra cho người ăn mày. Không còn lạ gì tánh nết ông hoàng, nên ông già hành khất kinh ngạc, ông chấp tay cảm ơn rối rít.

Ông hoàng bảo! Vì tưởng nhớ Phật nên tôi giúp ông, ông nhận tiền này khiến tôi được phước. Thế là tôi ơn ông chứ ông ơn gì tôi.

Ông già không nghe gì nữa ngoài tiếng tưởng nhớ Phật. Ông thì thầm niệm «Nam mô!... Nam mô Phật». Trong lúc ấy, ông hoàng đứng dậy. Ông thấy trong lòng ông vui, vui tự bên trong. Chưa có lần đi săn nào, chưa có cuộc dạo chơi nào ông thấy vui sướng bằng sáng nay. Rồi ông hoàng tìm đến gặp Phật. Nhìn được Phật ông hoàng thấy mát cả lòng, ông thuật lại đầu đuôi mọi việc, từ chỗ ông giá roi lên định đánh kẻ ăn xin hồi chiều hôm qua đến việc cứu giúp ông lão ốm đau sáng nay. Phật mỉm cười hiền từ bảo:

Tốt lắm! Tưởng niệm Phật, ông hãy tưởng niệm người nghèo khổ. Tưởng niệm người nghèo khổ là tưởng niệm chư Phật đó.

Từ đó đó, ông hoàng bỏ hẳn những cuộc đi săn. Tất cả cái sức mạnh trước đây chưa từng khuất phục một người nào, nay đã hướng vào những hoạt động từ-bi thương người, hùng lực cứu người. Và ông hoàng thành La-Phiệt đã tìm được sự sung sướng trong công việc, sự sung sướng trong những lúc tưởng niệm đến hình dung đức đại-bi, đại hùng, đại lực và lời dạy muôn vàn sâu rộng của đức Thích-Ca-mâu-ni.



NHÌN PHẬT-GIÁO QUA MẮT NHÀ KHOA-HỌC

Ký sư UÔNG TRÍ-BIỂU soạn
LIÊN HOA dịch

(tiếp theo)

I. — Phật-Giáo là Tôn-giáo đơn-thuần lý trí.

Mọi người đều biết khoa-học là một sản vật do lý trí sinh ra, nhưng không ai biết Phật-Giáo cũng chính lý trí sinh sản vậy. Vì chỗ đều là sản vật của lý trí cho nên đứng trên lập trường khoa-học để xem xét Phật-Giáo thì rõ ràng hơn ở các phương-diện Triết-học, Chánh-trị, Văn học và Kinh tế...

Khoa-học đã từng soi rõ những chỗ mờ ám của nhơn-loại mấy ngàn năm nay, và đã phá trừ được những mê chấp của nhơn-loại; thì Phật-giáo cũng đã cố gắng hiển cho nhơn-loại những công-tác đó và còn quá hơn nữa. Tôi xin thuật rõ ra đây :

A. — Phá trừ mê ám.

Kể ra nhơn-loại đã gặp rất nhiều sự hiểu lầm, nếu không lấy lý trí mà suy xét tinh tế, thì cứ lại lầm hoài. Một việc rất đơn giản như ngày xưa ai cũng nhìn nhận mặt đất là bằng, là vuông, là đứng yên một chỗ, còn mặt trời thì chuyển động; sau lại nhà khoa-học mới nói rõ quả đất là hình cầu, là chuyển động và xoay quanh mặt trời; lại như thuyết nhật-

thực và nguyệt-thực, ngày xưa cho là một việc rất thần bí mà hiện tại ai cũng biết mặt trời bị mặt trăng che thành ra nhật-thực, mặt trăng bị bóng địa cầu che thành ra nguyệt-thực. Những trường hợp này đều có thể suy toán mà biết trước ngày giờ cả. Xem trong sách Kỷ-hà-học mở đầu đã có những ví-dụ nói rõ sự sai lầm của nhân-quang, như người ta đem hai đoạn **AB** dài bằng nhau vẽ ra hai kiểu: $\langle \text{---} \rangle$ và $\rangle \text{---} \langle$ thì ta thấy hai hình ấy một dài, một ngắn không đồng; do đó ta chứng minh rằng *chỉ bằng* theo trực-giác con mắt dễ phân biệt dài, ngắn thì không đúng được. Lại như ban đêm chúng ta thấy các ngôi sao trên không trung ta tưởng là nó cứ có luôn ở đó, nhưng Thiên văn học đã cho ta biết có rất nhiều ngôi sao ở xa quá địa-cầu chúng ta một cách lạ thường không thể tính bằng dặm đường, mà phải tính bằng « Quang-niên. » (*Quang-niên là tốc độ của ánh sáng trong thời gian một năm. 1 quang-niên = 300.000 × 365 × 24 × 3600 = 9.460.800.000.000 cây số*)

Thế mà còn có những vì sao ở cách vài chục quang-niên. Bởi vậy khi ta trông thấy một ngôi sao nào, thì ngôi sao ấy đã phát ra ánh sáng từ vài chục năm trước và hiện tại, ngôi sao ấy đã bay đi đâu xa rồi. Lại như chúng ta hiện thấy trong nhà nào bàn, nào ghế, nào bát, nào mâm đều là những vật ở yên một chỗ và có tánh chắc đặc, nhưng nhà vật-lý-học cho ta biết, nguyên-tử của những vật chất ấy cũng như Thái-dương-hệ vậy; Điện-tử chạy quanh hạch nguyên-tử, dùng tốc-độ sáng xoay quanh, mà nguyên-tử với nguyên-tử rung động không giây phút nào nghỉ; giữa điện-tử với nguyên-tử hạch, nguyên-tử với nguyên-tử đều có những khoảng hở thừa thớt lạ thường, so với việc mắt chúng ta thấy bề ngoài yên tĩnh và chắc đặc thật là khác hẳn. Như thế mới biết con mắt chúng ta không sao thấy rõ chân-tướng của sự vật mà phải dùng lý trí mới tìm ra một câu trả lời xác đáng được.

Cũng như thế, Phật-giáo đã sửa chữa không biết bao nhiêu sự hiểu lầm của nhân-loại: như đời xưa ta có câu « *Thiên vô nhị nhật* », nghĩa là trời không có hai mặt trời, nhưng trong kinh Phật dạy ba ngàn Đại-thiên thế-giới có 100.000 vạn mặt trời; may mà hồi ấy các vua chúa rộng lượng,

không gia cho kinh Phật cái tội đại-nghịch bất-đạo như Ông Kha-bá-Ni (Nicolas Copernicus 1473—1543) đã chịu. Hiện tại trong kinh Thiên-văn đã chứng minh rằng giữa thiên không còn rất nhiều *Hành-tinh* mà mỗi *hành-tinh* là một thái-dương-hệ. Lại như trong thi văn ta thường có những câu trăng khi tỏ, khi mờ, khi tròn, khi khuyết; nói trăng tròn và trăng khuyết là một đều người xưa đã hiểu lắm, nếu nói nguyệt-cầu khuyết thì ai đào mà khuyết? nếu nói nguyệt-cầu tròn thì ai vá mà tròn? nên trong kinh Phật chỉ nói trăng sáng (nguyệt bạch) và trăng tối (nguyệt trắc) là rõ nghĩa nguyệt-cầu bị ánh sáng mặt trời phản-xạ. Lại những người không đọc đến Sinh-lý-học đều cho rằng cái thân thể của ta là chỉ có cá-nhân của ta là thủ-hữu, đâu có biết trong cái xác thịt ấy có không biết bao nhiêu vi-sinh trùng chiếm cả và hưởng thọ chung với chúng ta. Từ 2500 năm trước Phật dạy cho chúng ta hay: xác thịt người là một ổ vi-trùng, rõ hơn nữa là có 80 giống trùng, xem kinh Trị-thuyền-bệnh-bi-yếu và kinh Chánh pháp niệm xứ thì rõ. Kinh Phật chẳng những nói tên các giống vi-trùng mà còn miêu tả trạng-thái và động tác của chúng là khác nữa. Trước khi khoa học chưa phát đạt mà muốn cho một lớp người tin lời Phật dạy như trên, thật không phải là dễ. Phật tuy nói rõ ràng như vậy mà Ngài còn dạy rằng, lời của Phật là chân chánh là xác thật, là bình đẳng, là không dối, là không dị đoan. Chỉ các giống vi-trùng kia, con mắt thường đã không trông thấy mà đương thời lại không có kính hiển-vi để cho người ta xem xét, nên không thể nào làm cho hiểu thấu được, chớ bây giờ thì ai có hiểu biết sơ lược về sanh-lý-học cũng đã thừa nhận lẽ ấy rồi. Trong kinh Phật lại nói: Phật xem trong một bát nước có 84.000 vi-trùng. Việc ấy ngày nay không còn là việc lạ nữa.

(còn nữa)

ĐÍNH-CHÍNH :

Vì sự bất cần, *Liên-Hoa* số 2, trang 13, dòng 28, in lộn Ông Diogène qua Diorein. Mong quý độc-giả hoan-hỷ.

L. H.

Đã mấy năm đi mãi, tôi không còn có dịp nào về thăm làng cả. Cũng không nhận lấy một tin tức gì.

Tình cờ hôm nay ghé ngang, tất cả hiện trước mắt tôi sượng-sùng mà thân thuộc. Tất cả lặng yên song nhắc nhủ. Gia đình không còn ai ở trong làng nữa. Tôi tạt lên xóm Thượng tìm thăm bà Hương.

Bùi ngủi một lúc, mới bước chân qua cửa ngõ. Vườn của

Bà Hương
bây giờ tiêu-
tụy quá.
Góc hậu,
khóm tre
già ngất
ngủ ở ng,

một vài thân chuối xiêu-
vẹo, mấy cây chanh khẳng-
khiu và những cành phượng
vàng ú rủ. Tôi chợt nhận trong
người một cảm xúc lạnh lùng.
thấy như nơi đây cái êm dềm
và ấm cúng của những năm
xưa không còn vãn-vũ nữa.
Bước vào gian chính, không
có ai nên tôi lần xuống bếp,
gặp Bà Hương đang ngồi thổi
nồi chè. Bà lim dim mắt nhìn
một lúc, mới reo lên:

— Ủa anh Sơn!... chào!...
Ngó lạ quá... Đi mò... lên
nhà trên cái đã... Ngó lạ quá...
Đi mò mà lâu rứa... Anh uống
nước chè hỉ?... Chao!... dạo
ni ốm mà đen đi... Chao!...

Tôi vội ngắt lời bà:

— Dạ, bà cứ đề... Chị Mai
đi mò đề Bà ở một « chắc » ri?

— À... à... anh không nghe
tin chi hết à?

— Dạ không.

— Hần cười
từ tháng
chạp năm
ngoài tề!

— Vậy sao?
— Anh nói
răng?

BÀ HƯƠNG

Truyện ngắn của **NGUYỄN - THÁI**

— Dạ té rứa à?

— Ủ... Nì, anh Sơn ở lại
ăn cơm tối nghe, nhà không
còn ai cả, anh cứ tự nhiên.

Tôi nhận lời và ngồi vào
kỷ uống nước chè vừa ngắm
nghĩa gian nhà cũ. Gian chính
vẫn còn treo bức liễn « Tu
địa lợi » nếp giấy đỏ và chữ
đen đã bạc màu với thời gian.
Bà vẫn đứng tựa vào thân cột
nhà nói chuyện. Tôi nói mãi,
Bà mới chịu ngồi ở một góc

ván của chiếc sập. Bà nói:

— Chao! làng mình chứ tiều tụy lắm, anh tính bên anh nì, bên mẹ Chánh, mẹ Bá, mẹ Đội... thôi thì loạn, lên « đình » cả...

Bồng có tiếng chân chạy ngoài sân đất, Bà ngược mắt ra. Thoảng một đứa bé chạy vào:

— Mẹ con nói Bà cho mượn cái nồi ba, vì có chú con về...

— Tau cũng có khách đây... qua bên mẹ Cai mượn thử... Đứa bé đi rồi, bà quay lại nói với tôi:

— Đồ mà cho mượn là không xong, không dùng thì cứ chùi rửa cất đó, đưa ra là hư hết... Còn nói chuyện trong làng... anh biết mẹ Lý chớ? Chao, quá quắc lắm! Giàu mà trời mà ai mượn chi cũng không cho. Tiền cho vay lãi nặng không nói được. Hở một tí động đến mẹ là mẹ chu chéo cho tới khi không ở yên với mẹ...

Bồng lại có tiếng ngoài ngõ:

— Bà a!... Bà!

— Chi rứa? Bà nói vọng và nhìn ra, à con Chét, vô đây!

— Mẹ con nói Bà cho mượn ít lòn gạo, bữa mớ lên huyện dong, mẹ con đem qua...

— Chao... kỳ phiên trước tau có đi dong mớ. Còn không đủ ngày mai đây! Qua bên mẹ Lý thử...

Tôi đang chột dạ, bỗng Bà quay vào ghé sát mặt nói nhỏ:

— Anh tính phải nói rứa, không cứ ăn quen mượn hoài. Con Chét con mẹ Chắc đó, anh nhớ không?

— Dạ con nhớ...

— Chao mẹ Chắc chứ quá quắc lắm. Lo sắm sửa bề ngoài thôi, Ngó không được con mắt...

Tôi mong mỗi Bà hỏi đến mình một lần để có dịp không nghe thêm cái tiều tụy và nhỏ nhen của làng, song Bà vẫn nói không hở. Tôi chỉ biết yên lặng ngồi nghe. Mãi Bà mới hỏi thăm gia-đình tôi.

Trời sẩm xuống chiều. Bà bảo để Bà đi nấu cơm. Lòng mừng rỡ vì có ít phút thư thái. Tôi lần ra sân, đến ngồi trên thành giếng nhìn nền đất tìm những dấu hình xưa cũ. Nắng trắng một lớp lợt lợt lên cảnh vật màu tái thẫm. Gió hắt ngoài sông vào những

tiếng thì-thầm của làng quê còn ủ kín trong nghìn năm đau khổ. Tôi nhớ người bạn xưa, nhớ những ước vọng sáng tươi đã một thời ấp ủ, đã một lần mong-mỏi thực-hiện.

Và bây giờ tôi trở lại để thấy một cảnh tượng tiêu điều hơn trước. Lòng như một tiếng hát ngân trên độ chiều đơn độc... Có tiếng Bà gọi từ bếp, tôi chạy vào.

— Ni, anh Sơn có nhớ con Bưởi không hè? Chao, chứ hẳn hừ đồn lăm, đồ trời đánh thánh vật...

Đứng bên Bà mà tôi không còn nghe tiếp được nữa. Lòng còn vọng về đâu xa quá, hay bởi vì tôi tự nghĩ: sao Bà không nói cho mình nghe một chút gì tốt tươi của làng quê. Ai không biết giữa cuộc đời có lắm điều bỉ ổi, ti tiện. Song gục mặt vào đây, biết bao giờ mới thấy được một màu trời xanh. Người ta vốn thích bôi đen thêm xã-hội và ít chịu tìm khía đẹp của cuộc đời hay nhân nhượng, thương yêu nhau để sống!

Suốt bữa cơm, tôi phải tiếp với bà bằng những mẫu chuyện toàn bất như-ý trong thôn xóm.

Ăn cơm xong, trời tối thăm Bà giữ tôi ở lại đêm. Bà bảo tôi cứ tự nhiên nghỉ ngơi, vì Bà phải lên đèn trên bàn Phật và sẽ đến giờ tụng niệm. Lòng tôi bỗng vui lên: ít nhất thì lòng Bà Hương còn có chỗ thoát, còn có chút ánh sáng. Tôi xin phép Bà được dâng hương trước, rồi lại lần ra sân.

Trăng đêm nay sáng và nền trời thăm đen xanh ánh ngọc thạch. Chỉ một chút vòng cung, song án ngự tất cả vòm cao. Về sáng không chói lòa mà trong vắt, mát dịu và hiền. Trăng không cần lớn như vòm trời. Trăng không thích bé như những vì sao. Trăng vừa vện trong toàn vẹn hồn nhiên, thanh thoát. Chốc chốc thoáng chút mây che, nhưng rồi tan biến như hơi nước, để tôi thấy rõ hơn màu ngọc trai ánh nước, diễm đạm hiện giữa vòm cao. Tôi cảm như những nụ sao quần tụ và tản mát nói lao xao cho nhau nghe về người chị yêu dấu đang vỗ về bóng tối.

Từ nhà, vẫn vắng ra đều tiếng mõ và lời kinh nguyện của Bà Hương. Trong lòng tôi

không thấy có một bà cụ già ngồi đánh lễ nữa. Tôi chỉ nghe cái tình túy của con người vươn lên bám lấy đất giác-ngộ. Một vài tiếng chuông trong như dòng suối, những tiếng mõ chắc nịch như những bước chân cương-ngự bước xa dần cảnh ti-tiện và căm thù của cuộc đời và lời kinh như sự thiết tha của Viên-giác. Bao nhiêu đó, như con sông trong vắt mà tôi đang tắm vào một ngày nắng cháy. Bao nhiêu đó, lòng ngỡ như một hương mây tinh khiết có thể chở mình ra ngoài cảnh sống bất công.

Có tiếng Bà gọi vào, tôi tiếc sao Bà không cho mình được yên nghỉ thêm trong miền thanh thoát.

Tuy đã lên giường rồi; Bà ở buồng trong vẫn vọng ra chuyện vẫn rất khuya. Bà nói cho nghe Bà vừa giác-ngộ, vừa biết Phật và Bà rất thành-tâm tụng niệm, ăn chay. Tôi không nói gì cả, vì để cho Bà yên lòng. Tôi hiểu tâm trạng của những người suốt đời hi-hục trong mọi tầm thường ích-kỷ của đời sống, chợt đến tuổi già họ bắt đầu lo ngại cho tâm hồn, họ bỗng bám lấy một nơi mà họ tin rằng có thể được cứu thoát, và không biết rằng giá phải nghĩ như thế sớm hơn để những giống lúa mình gieo đã

có thể gặt được. Tôi vốn hiểu những tâm hồn rất thành tâm lễ Phật, song với đồng loại họ không đủ đại-lượng để chung sống, không chịu ban rộng lòng thương của mình cho mọi loài, họ gieo mạ trên mái nhà!

Nói về lễ bái một lúc, Bà lại tiếp tục cho nghe hết mọi lai lịch những người trong làng. Những người mới. Những người cũ. Tất cả đều mang nhiều chê trách hơn là khen ngợi.

Bỗng một phút, tôi mất hẳn cảm tình với Bà.

Sáng hôm sau tôi ra đi. Bà tiễn ra đến tận ngõ, dùm dề những gói cơm nắm, muối mè, và quả cam. Những lật vật của tình mến. Cảm đến sự trợ trợ của Bà trong chuỗi ngày vất vả, già nua, tôi bỗng thương Bà vô hạn.

Nhìn vào mắt Bà, thấy đảo nhanh ướt át, đôi ngươi như mờ đục đi và tôi như đã thấy trong sâu thẳm của hồn bà Hương một chấm sáng tốt lành song đang bị quần tụ, gán che bởi những thành kiến, bởi cả cuộc đời quá ư lao khổ.

Tôi nhờ Bà nhắn lời thăm chị Mai. Và ra đi. Lòng bùi ngùi cảm động. Tôi không muốn trách Bà nữa, tôi trách hoàn cảnh chung quanh Bà và nghĩ rằng: lớp chúng ta phải tin Phật một cách khác...

NGUYỄN-THÁI

BỘ QUỐC DỊCH NHẤT-THIỆT KINH HOÀN - THÀNH

THÍCH THIÊN - ÂN

(Tiếp theo kỳ trước và hết)

Bộ Ấn-độ vì đã hoàn-thành từ trước thời chiến tranh, nên nay không thấy đề cập đến. Chỉ riêng bộ dịch từ chữ Hán ra tiếng quốc ngữ này theo dự trù của ban phát hành thì tất cả một trăm quyển độ 70.000 đồng bạc Nhật, nghĩa là trị giá độ 10.000\$ Việt-Nam. Và nội dung của cả toàn bộ gồm có 7 phần lớn :

1. — Kinh sớ bộ.
2. — Luật sớ bộ.
3. — Luận sớ bộ.
4. — Tôn phái bộ.
5. — Sử truyện bộ.
6. — Hộ giáo bộ.
7. — Sự điền và mục-lục bộ.

Nhân viên của bộ phiên dịch, chú giải, biên soạn của bộ Quốc-dịch nhất thiết kinh này, hầu hết là gồm tất cả các nhà học giả danh tiếng trong Phật-giao Nhật-Bản, kể cả Tăng già và Cư-sĩ. Đại thể là mỗi vị tùy theo sở trường chuyên môn của mình, phụ trách phiên dịch và chú giải một tập. Mỗi vị sau khi làm xong công việc của mình, liền giao bản thảo lại cho một hội đồng tối cao giáo lý duyệt khảo lại, và sau đó sẽ trao lại cho ban phụ trách

ấn loát và phát hành. Bộ này gồm có 100 quyển, như thế là ngoài các nhân viên đặc-biệt, đại-đề gồm có 100 vị phụ-trách. Xem trong bản danh-sách đã được công bố trên các báo chí, sách vở thì trong số 100 vị này hơn một phần nửa là đã có bằng văn-học Bác-sĩ. Còn chức-vụ thì hầu hết là giáo-sư hoặc viện-trưởng các viện Đại-học, và do đó chúng ta biết được rằng: hơn 60 trường Đại-học khắp cả lãnh thổ Nhật-Bản tham dự vào ban phiên-dịch chú giải này, kể cả Đại-học Phật-giáo và Đại-học thế-gian.

Đó là thành phần của ban biên-dịch và kế hoạch phân-công của Phật giáo Nhật-Bản để hoàn-thành công-trình vĩ-đại: phiên dịch và chú-giải bộ nhất-thiết-kinh từ chữ Hán ra quốc-ngữ.

Nhìn qua sự-nghiệp này của Phật-giáo nước người rồi nghĩ đến Phật-giáo xứ mình, tôi không thể nào không buồn tủi, ân hận. Phật giáo đã truyền qua xứ mình gần 2000 năm nay, tự-viện, tháp miếu rất trang-nghiêm tráng lệ. Tăng đồ, Tín đồ cũng vô số kể, và người hữu học thông bác cũng không phải ít, nhưng nhìn lại sự nghiệp văn hóa Phật-giáo, thì ngoài những bộ kinh phiên dịch lẻ tẻ, ngoài những cuốn sách biên soạn giản-lược, 3 Tạng Thánh-điển vẫn còn cả nguyên văn chữ Hán!

Có phải Phật-giáo Việt-Nam thiếu nhân tài để làm việc ấy không? — Không, quyết định là không. Qua lịch-sử chúng ta thấy ở Việt-Nam đã sản xuất ra rất nhiều các vị tăng già học-lực uyên-thâm, tài-đức xuất-chúng, và ngay trong phong-trào Phật giáo hiện tại, cũng có rất nhiều các vị Tăng già và cư-sĩ, học hạnh kiêm toàn, thông-đạt Phật lý đủ sức để làm việc này. Vậy thì tại sao ta chưa khởi công và chưa hoàn-thành được sự nghiệp biên dịch Tam tạng Thánh điển bằng Việt-ngữ để phổ biến một cách sâu rộng giáo-lý Phật-đà vào các tầng lớp dân chúng, đồng thời để làm tài-liệu nghiên cứu cho các giới Phật-tử ở hiện tại và sau này?

Với một niềm thiết tha vì chánh pháp, tôi mong rằng các nhà hữu tâm với tiền-đồ Phật-giáo, nhất là các đoàn thể Tăng già và cư-sĩ trong Phật-giáo Việt-Nam hiện tại

hãy lưu tâm đến vấn đề này và dự thảo ngay một chương trình để thực hiện sự nghiệp phiên-dịch Tam-tạng Thánh điển thành Việt-ngữ.

Ở Nhật-Bản, Trung-Hoa cũng như các nước khác, việc biên-soạn Tam-tạng Thánh-diễn thành quốc-văn đã không phải là công việc của một người, hay một nhóm gì trong một thời gian ngắn, mà là kết quả của một số học-giả Phật-giáo rất đông, trải qua nhiều năm kiên nhẫn tiếp tục làm việc mới hoàn thành được. Vậy thì muốn hoàn thành sự nghiệp vĩ-đại này, Phật-giáo Việt-Nam ta cũng nên làm theo như thế. Từ xưa đến nay chúng ta đã âm-thầm lẽ tẻ làm việc, nên công việc chưa đi đến đâu. Nay ta chung lòng hợp sức lại thì công việc tất nhiên sẽ đi đến kết quả mỹ-mãn.

Muốn chung lòng hợp-sức để làm công việc này, tất nhiên trước hết chúng ta phải mở ra một hội nghị văn-hóa Phật-giáo, mời đủ mặt tất cả các vị Tăng-già Cư-sĩ có trình độ hiểu biết Phật-giáo khá cao, nhất là có khả-năng về văn hóa đến tham dự. Sau khi mọi người tán đồng với công việc hữu ích này, chúng ta mời mỗi vị tùy theo sở trường chuyên-môn của mình phụ trách phiên-dịch chú giải một quyển. Ngoài ra cũng nên cử ra một ban chuyên-môn duyệt khảo lại các tác phẩm đã phiên-dịch thật kỹ-càng, trước khi ấn loát thành sách. Còn thời hạn phát hành thì tùy theo điều kiện kinh tế, có thể mỗi tháng, hoặc trong một thời gian nhất định sẽ phát hành một quyển. Làm như thế chúng ta tin chắc rằng: trong khoảng 3 năm, 5 năm hay 10, 20 năm, Phật-giáo Việt-nam ta sẽ hoàn-thành được sự nghiệp vĩ-đại: tất cả tam-tạng thánh-diễn biến thành việt-ngữ vậy.

Và khi ấy cũng sẽ có những người Phật-tử ngoại-quốc khác sẽ tương thuật lại công trình và làm bản bá-cáo về cho Phật-giáo nước họ với một đề-tài:

«Phật-giáo Việt-Nam đã hoàn-thành một công-trình vĩ-đại: Bộ quốc-dịch nhất thiết kinh hoàn-thành».
Tương-tự như tôi viết bài này.

ToKyo ngày 1-3-1958

THỜI CẢNH TÌNH

GIỜ tôi biết! hận thù là tội lỗi,
Bãi chiến trường, là kết quả đau thương.
Tay cầm gươm, miệng hô lớn: Hòa - bình
Là mâu - thuẫn muôn đời không lối thoát.



Miệng hô lớn: Hòa - Bình và Độc - Lập!
Mà chiến - trường cứ mở rộng phạm vi.
Là một điều sự thật chẳng mấy khi,
Là mâu - thuẫn không cùng nơi miệng thề.



Ai Cách - mạng. Đây người trai thề - hệ!
Xin « mở đầu một nguyên - kỷ » đáng theo.
Đây kêu cầu hay một tiếng chuông reo...
Mong « đồng bạn » nghĩ suy rồi định hướng...

TÁM - CƯƠNG

Chương-trình lễ Phật-dẫn 8-4

PHẬT-LỊCH 2502 — MẬU-TUẤT



A. — MỤC ĐÍCH

- Văn tế chức long trọng đề cúng dường Phật-Tổ
- Tuyên cáo rộng rãi ngày 8/4 đã được tái lập trong danh sách quốc-lễ.
- Phát huy thành tích Phật sự và tác động hình-thần phục-vụ Chính-Pháp.

B. — CHƯƠNG-TRÌNH

Ngày mồng 7 tháng 4 Âm-lịch :

- 12 giờ : Khai Kinh.
- 19 — : Phóng sanh đáng [đặc biệt là phóng đàng]
- 20 — : Thuyết pháp.

Ngày mồng 8 tháng 4 Âm-lịch :

- 4 giờ sáng : — Các Chùa, và các trụ sở Phật-Giáo đánh 9 hồi chuông trống bát nhã.
— Lễ sanh thân tại các Chùa và các Trụ-sở Phật-Giáo.
- 5 giờ 30 : Tập hợp xong tại các địa điểm hành lễ.
- 6 — : Lễ chính thức tại các địa điểm hành lễ.
- 7 — : Rước Phật về các Chùa, các Khuôn,
- 10 — : Tụng niệm cầu nguyện,
- 12 — : Cúng cơm.
- 14 — : Tỏ-chức từ-thiện, cứu tế,
- 19 — : Rước ánh sáng Đức Phật.

Ngày mồng 9 tháng 4 Âm-lịch :

Các địa phương tự ấn định chương trình, nếu còn đủ khả năng tổ chức.

C. — THÀNH PHẦN TỔ CHỨC

1. — Ban tổ chức :

Giáo-Hội Tăng-Già các cấp phối hợp với các cấp Hội Phật-Giáo bầu ra một Ban Tổ-chức, thành phần gồm có :

- Trưởng Ban,
- Phó Trưởng Ban,
- Thư ký
- Thủ quỹ,

Ban này lại có các Tiểu-ban sau đây giúp việc :

- Tiểu Ban vận động tổ chức,
- * Nghi lễ,
- * Công đức (tài chánh)
- * Kỹ thuật,
- * Tiết tự,
- * Cứu thương

2. — Nhiệm-vụ Ban Tổ chức,

Vạch định kế hoạch thi hành chương-trình tổ chức tại địa-phương, đôn đốc các Tiểu ban thực hiện kế hoạch ấy, liên lạc và thi hành công tác cấp trên, điều hành công việc cấp dưới.

D. — KẾ HOẠCH TỔ-CHỨC

1 — Địa điểm hành lễ :

Tại Thị-xã : Tỉnh-Hội và Khuôn-Hội phụ cận tập hợp hành lễ tại Chùa Phật-Giáo Tỉnh-hội (hoặc một vườn hoa rộng rãi) và chính do Ban Tổ-chức Tỉnh-Hội trực tiếp tổ chức.

Tại các quận : Chi - Hội và các Khuôn phụ cận thị trấn tập hợp hành lễ tại một ngôi Chùa hoặc một địa điểm do địa phương ấn định và Chi Hội cùng các Khuôn phụ cận bầu ra 1 Ban tổ chức.

Tại các Khuôn : Như những năm trước theo tình hình địa phương địa-dư, số người tham dự mà các Khuôn hội hợp thành một Liên Khuôn và ấn định một địa điểm hành lễ hoặc tại một ngôi chùa hay một nơi có thể chứa được số người tham dự và tự Liên-Khuôn bầu ra một Ban Tổ chức.

2. — Thành phần 1 đoàn dự lễ (của 1 Khuôn)

- Cô lớn và Kiệu Phật phải có.
- Các vị Tăng Ni địa phương,
- Nam, Nữ Hội viên và thân quyến con cháu,
- Toàn thể Phật-giáo-dân địa phương, và thân bằng,
- Gia đình Phật-Tử và các Phật-tử như Hoa, Ấn kiều, Quáo-nhân, Học sinh, Hướng đạo v.v...
- Giáo-sư và học sinh trường Bồ-Đề và các trường ngoài.
- Chuông trống lớn. Xe hoa dân nhạc (nếu có).

3. — Tập trung :

Đứng 5 giờ 30 sáng ngày mùng 8 tháng 4 ấn lịch các đoàn trước lễ kể trên phải tập trung tổ chính tại địa điểm hành lễ đã ấn định.

4. — Lễ chánh thức tại địa-điểm hành lễ :

Cứ hành đúng 6 giờ sáng ngày 8-4 theo chương trình duy nhất sau đây)

1) Tuyên bố cử hành lễ (lời tuyên bố do Ban tổ chức Tổng-Hội gởi đến

- 2) Diển từ (do Ban tổ chức Tổng-Hội gọi đến)
- 3) Lịch sử Đức Phật (do ban tổ-chức Tổng-Hội gọi đến)
- 4) Ba hồi chuông trống Bát nhã (khi đó toàn thể đồng quỳ xuống đất)
- 5) Nhập từ bi quán trong 3 phút (yên lặng tuyệt đối chấp tay tưởng niệm công ơn Đức Phật và phát nguyện độ sanh)
- 6) Đồng niệm "Nam-Mô Bồn-Sư Thích-Cy Mâu-Ni Phật" 10 lần (niệm to tiếng)
- 7) Rước Phật.

Nghi thức như thế này gồm có hai phần : Phần tuyên bố, diển từ và lịch-sử đức Phật xong thì đến phần nghi lễ. Điều cần chú ý là tại các địa điểm hành lễ thôn quê, nếu có Tăng-già chân chính và có thể hành lễ, theo chương trình này thì rất quý, gặp trường hợp ở một Liên khuôn không có một vị Tăng già nào có tư cách tương đối để hành lễ, thì ban Tổ chức và các ban Trị-Sự phải đặt biệt lưu tâm tự liệu lấy việc hành lễ bằng cách cử người có tư cách đứng với sự cần thiết và trang nghiêm của cuộc lễ.

5.— Cuộc Rước Phật :

- 1) Tại Tỉnh-Hội (Thị-xã) sẽ có thông-tư kế tiếp ấn định rõ ràng.
- 2) Tại các nơi :
 - a) Mỗi đoàn Rước theo thứ tự của ban Tổ chức điều khiển đều phải diển hành qua lễ đài rồi rước Phật về khuôn mình.
 - b) Các đoàn thể Phật-tử khác như quân nhân v.v... thì cùng Rước Phật về Khuôn đá mời họ.
 - c) Chương trình cuộc Rước Phật về Khuôn Hội, phải giữ cho trang nghiêm, long trọng.

Bị chú : Nếu tiện đường thì cùng đi một đoàn rồi định chia ra ở một đoạn nào đó. Trường hợp này các Khuôn cùng một đường đi phải sắp cho họ đứng và diển hành qua Lễ đài được kế tiếp nhau.

6.— Biểu ngữ :

Chỉ có một biểu ngữ : sau đây được treo và viết ở các cơ quan Phật-Giáo các quyền môn, các công là : **« MỪNG PHẬT-ĐẢN MỒNG 8 THÁNG 4 »**

7.— Lễ Rước Ánh Sáng Đức Phật :

- a) **Thành phần tham dự :** Thành phần tham dự cuộc Rước ánh sáng của Đức Phật cũng chính là những người đã tham dự cuộc lễ buổi sáng nói trên.
- b) **Đèn Đuốc :** Mỗi người tham dự ít nhất phải tự túc 1 cây đèn giấy hay 1 cây đuốc.
- c) **Cách sắp đặt :** Chỉ các Khuôn-Hội tổ chức và cách sắp đặt giống như đoàn Rước Phật khi sáng, chỉ khác :
 - Không thỉnh tượng Phật theo,
 - Cầm đèn hay đuốc thay cờ.
 - Không Niệm Phật mà chia từng đoàn đồng thanh hát bài Mừng 8 Tháng 4 theo điệu Đăng-dàng-Cung "Vui mừng gặp ngày nay mồng 8 tháng 4"...
 - Ngoài ra còn có trống, chuông và thanh la giúp vui cho cuộc rước.

d) Tập trung đoàn rước và giải tán : Đoàn rước của mỗi Khuôn đều tập trung và giải tán tại Chùa Phật-Giáo của Khuôn ấy. Đoàn rước chỉ đi ngang qua những con đường mà Khuôn định.

d) Về mặt nước : Nếu có sẵn các Khuôn Hội thuộc thủy điện càng tốt, nếu không thì ban Tổ chức Tỉnh-hội hay các Liên khuôn phải vận động, khuyến khích, giúp đỡ phương tiện cho các vận dò treo đèn thật nhiều trong những đêm mùng 7 và mùng 8/4. Đặt biệt chú ý phóng đăng trong hai đêm ấy, càng nhiều càng quý.

e) Đêm vui : Trong đêm mùng 8/4, tổ chức các cuộc vui, sau cuộc rước ánh sáng : Kịch, nhạc, vũ khúc.



Ngoài bản kế hoạch thực hiện chương trình tổ chức Lễ Phật-Đản 8/4 ghi trên đây, các Ban Tổ-chức phải đặc biệt lưu tâm những điểm sau đây để khuyến khích và vận động mọi người tham gia ngày lễ, nhất là tham gia cuộc rước Phật :

1) Mỗi một Hội-viên hay một đoàn viên Gia-đình Phật-Tử khuyến khích và vận động cho được một người ngoài Hội là ít nhất, tham gia cuộc lễ.

2) Các ban Tổ chức gửi thư hay trực tiếp mời các đoàn thể quần nhân, học sinh, hướng đạo và ngoại kiều tham dự cuộc lễ.

3) Cờ động và khuyến khích treo cờ thập đèn thật nhiều (cờ Phật-Giáo mà thôi). Những gia-đình hội-viên có nhiều cờ và đèn nên chia bớt cho láng giềng hoặc chính Ban Tổ chức làm biếu.

4) Cờ động và khuyến khích những người xung quanh mình tạm ngừng sinh hoạt bình thường trong ngày Mùng 8 tháng 4 để tham dự cuộc Rước Phật, đặt biệt là các nhà tế sanh, những nơi buôn bán súc vật và hàng ăn mặn.

Nói tóm mọi khả năng và mọi phương tiện đều được huy động tận cùng để gây một phong trào tích cực tham gia cuộc lễ, **TẤT CẢ CHO NGÀY MÙNG 8/4.**

Hòa-Thượng **TUÔNG-VÂN,**
Trưởng-Ban Tổ-chức Lễ Phật-Đản,

HỘP THƯ

Quý độc-giả và Đại-Lý khi nhận được số *Liên-Hoa* này, mong quý vị thanh toán tiền năm Mậu-tuất cho Tòa soạn, để Tòa soạn đủ phương tiện in các số sau. Rất cảm ơn.

Ở Huế xin đến thanh-toán tại Tòa-soạn vào những buổi chiều: thứ hai, thứ năm và thứ bảy, từ 2 giờ 30 đến 5 giờ.

Ngoài tỉnh gửi ngân - phiếu xin đề: *Thích Đức-Tâm*
Tòa-soạn Liên-Hoa 25, Tô-hiến-Thành — Huế.

Tin tức Thế-giới

Đài-bắc. — Thanh-Niệm lão Hòa-thượng đã viên tịch tại Tân-gia-Ba ngày 27-1-58, hỏa tán được xá-lợi hơn 1.000 hột, vì đại-lực chưa bình định, không thể rước linh-cốt về núi Phổ-dà được, nên Ấn-Thiệt Pháp-sư, giới tử của Ngài, đã qua Tân-gia-Ba rước về Đài-loan tạm thờ tại chùa Thiện-đạo, đợi ngày làm lễ nhập tháp.

Đài-bắc. — Chùa Khai-nguyên ở Thị-trấn Đài-nam vừa khai giảng một lớp Phật-Giáo sơ-cơ, lớp học này mỗi khóa một năm, chỉ thu nhận thanh niên nam nữ từ 15 tuổi đến 30 tuổi. Khóa đầu đã mở ngày 3-3-58.

Miến-diện. — Phật-giáo-hội Nhật-bản đã phái 17 vị Giảng-Sư qua Miến tu học Nam-tôn Phật-pháp; gần đây tại Thánh-khởi gần Tháp Hòa-bình ở Ngưỡng-quang, Ngài Thượng-tọa Thái-Đức đã làm lễ truyền giới sa-di (thọ 10 giới xuất-gia) theo nghi thức Nam-tôn Phật-giáo. Thủ-tướng chánh-phủ Miến có đến danh-lễ và đem tặng các vị Sa-di ấy nhiều vật dùng quý báu của Tăng-già.

Nữu-uớc. — Đại-sư Tích-lan ở Mỹ, Cao-ngộ-Đặng tiên-sinh đã hai lần diễn thuyết tại Mỹ-quốc Phật-giáo học-viện. Đầu đề các bài giảng là: 1)

Giáo-nghĩa của Đại-bi Phật-đà.
2) Phật-giáo với vấn-đề tranh thủ hòa bình.

Nhật-bản. — Từ khi chiến hậu, Nhật-bản chuyên tu theo bộ Thượng-tọa Miến-diện, nên đã phái 10 vị truyền-đạo và tăng-chúng qua Miến học tập, sau 2 năm về nước, năm 1955 đã lập thành Phật-Giáo Chánh-pháp hội và nhiều phân-hội giáo huấn bộ Thượng-tọa này, hiện có hơn 1.000 người tham học.

Đức-quốc. — Theo lời mời của học-hội Đạt-ma đà-đa ở Bá-linh, 6 Đại-biêu Phật-giáo Tích-lan đã đến thủ-đô Đức-quốc, trú tại một ngôi chùa giữa Bá-linh và dùng làm nơi trung-tâm hoằng-pháp toàn cõi Âu-châu. Phái đoàn Đại-biêu này sẽ ở lại Đức 2 năm giúp nước ấy phát triển Phật-Giáo.

Thái-lan. — Đại-tạng-Kinh Nam-tôn bằng Thái văn đã in xong 3.000 bộ, (mỗi bộ 80 quyển). Số xuất bản kỳ này đã không đủ để thỏa mãn sự đòi hỏi của Phật-dồ các nơi. Để kỷ niệm 2500 năm Phật-giáo Nam-tôn. Y-viện Thiện-hoa tại thủ đô Thái-lan đúc một pho tượng Quan-thế-Âm bằng đồng nặng 2500 kg, thờ giữa lễ đường Y-viện cho bệnh nhơn chiêm bái hằng ngày.